SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL



Light

LIGERO2 S1P MID S1 PS

LIGERO2S1M

Giày th ể **thao** nh ẹ nửa **cao** th ể **thao**

Giày bảo h ộ LIGERO2 S1P là m ộ giày trong nh ẹ nhất
trên th phù h ợp cho các công giày siêu nh ẹ làm t ừ vật l iệu
nano carbon. Nó không có đường nối trên thoáng khí và lót giày
có th i ể tháo r ờ

Những vật liệu cao cấp lên may	D
lót bên trong	i tái chế lưới
trong	Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa	đế g i không dệt và chống thủng
ngoài	Đ PU
u	Đứng đầ Nanocarbon
i	Loạ S1 PS / SR, SC, FO, CI, ESD
	Phạm vi kích thước EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.490 kg
ẩn hóa u chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



BLK

CO_2 7.22 kg

Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, không kim l

SRC
Đ những tính ngày an toàn và giày bảo vệ SRC qua cả bề siêu linh hoạt kiểu SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.

Trọng lượng nhẹ chống **đâm** thủng
chống đâm thủng. Bao phủ 100% bàn

Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ

Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên giày.

SJ BỘ
lót chân chống tĩnh mềm mại có thể tháo rời, dẫn hướng và hấp thụ sốc gót chân và bàn thoáng khí và hút ẩm.

Công nghiệp **n:**
lĩnh vự c ô tô, phục vụ ăn uố n g, Ngành công n ghiệ p , Biên tcầp , hậ

ường: **Môi** t
Bề mặt cự cmịn ờn mộikhô

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cáchù hằn hiệ khôn trên lò

K

Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	ờn g q
Nhữ n g vật lt **máy** D **cao** cấp h ơn				
Top: khả năng ấm ới h ơ	? 0.8	4.2	ời	mg/cm/g
Top: hi ệu số ới h ơ	? 15	37.6		mg/cm2
ót bên trong i **tái** th ế ới				
L ớp **lót:** ấm ới h ơ	? 2	41.3	ời	mg/cm/g
lót: hi ệu số ới h ơ	? 20	330.2		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)				
ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớt) **(chu kỳ)**	25600/12800	25600/12800		chu kỳ
goài Đ **PU**				
Ch ố i ảm g ế **mài mòn)** ngoài (	? 150	103		mm
Chư ố ợt c ợt **bản - Ceramic + NaLS** - Trư ợt **gót** v ề **phía** t	? 0.31	0.38		ma sát
rư Cột ố ới ảng G ố m **+ NaLS** - Trư ợt **lùi** v ề **phía** t	? 0.36	0.39		ma sát
rư Cột **SR** n G ế t m **+ Glycerin** - Trư ợt **gót** phía t	? 0.19	0.24		ma sát
Chư ố ợt **SR** g G ố m **+ Glycerin** - Trư ợt v ề phía t	? 0.22	0.27		ma sát
ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	56.5		megaohm
ị ESD Giá t	0.1 - 100	67		megaohm
Hấp thụ năng l ượ **gót** chân ủ	? 20	29		J
Đ ứ n g đầ **Nanocarbon**				
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A		mm
Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A		mm
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	17		mm
Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	22.0		mm

kích thước thép: 42

a chú ôi khô ó ê ê à nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không ược ao chép ướ dạng nào mà không ép ằng văn ủa ú ôi.

hân sinh ái **thái:**

Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	ờn g q
i **CO** **phát** thả				
V ật l iệu		4.94		kg
Bao bì		0.13		kg
ất Sản x u		1.90		kg
Chuyên ch ở		0.26		kg
		7.22 kg CO2/ cặp		

Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
Product		19%	
Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị được à tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng cách công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com